

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 720/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2017
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh
2. Ông Chu Mạnh Tường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 963/2016/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2016, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2017, và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang T1, địa chỉ: đường K, khu phố X, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc T2, địa chỉ: địa chỉ: đường K, khu phố X, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Quang T1: ông T1 và bà Phạm Thị Ngọc T2 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/6/2012. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một năm thì phát sinh mâu thuẫn vì không có con, bà T2 thường cãi vã với ông, gây bất hòa trong gia đình và đòi ly hôn. Nay tình cảm của ông với bà T2 không còn nên ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ông ly hôn với bà T2.

Về con chung: Ông T1 và bà T2 không có con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nợ chung không có.

- Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Lê Quang T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà T2, ông và bà T2 không có con chung, không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung không có.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lê Quang T1 và bà Phạm Thị Ngọc T2 là tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là ly hôn, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T2 đang cư trú tại quận Thủ Đức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang T1 và bà Phạm Thị Ngọc T2 tự nguyện kết hôn. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 64 quyển số 01/2011 ngày 11 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Quang T1 và bà Phạm Thị Ngọc T2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Quang T1 xin ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc T2, Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời khai của ông T1 chỉ một năm sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã. Đến nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 9/2016 đến nay, nên ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T2. Về phía bà T2, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T2 nhưng bà T2 vẫn không có mặt tại Tòa để giải quyết quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông bà thể hiện bà không quan tâm, không cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T1.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, quyết định cho ông Lê Quang T1 và bà Phạm Thị Ngọc T2 ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Do không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án, án phí ly hôn sơ thẩm 200.000 đồng nguyên đơn ông Lê Quang T1 phải chịu

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Quang T1:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang T1 được ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc T2.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Ông Lê Quang T1 và bà Phạm Thị Ngọc T2 không ai yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí: Ông Lê Quang T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 0014087 ngày 17/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông T1 đã nộp đủ.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Quang T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T2 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bà T2 hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.ĐĐ;
- Chi cục Thi hành án Q.ĐĐ;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Trung Tuấn

